

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Ký bởi:
SỞ
CÔNG
THƯƠNG
Ngày ký:
03-
09-2026
16:06:22
+07:00

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA

ĐẾN Số: 1494/...
Ngày: 03/9/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/GÓC XANH/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH**

Địa chỉ: Thôn Phước Sơn, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Số điện thoại: 0833 665 479

Mã số doanh nghiệp: 0312385154

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm Thực hành sản xuất tốt – GMP số GMP 123; Mã số: 123-23-01/01; Ngày cấp: 16/10/2023; Nơi cấp: VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG.

II. Thông tin sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: YẾN CHUNG ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO DP NEST (BIRD'S NEST CORDYCEPS DP NEST)

2. Thành phần: Nước, sợi yến tươi kingly (25%), đường phèn, đông trùng hạ thảo (3%), chất làm dày (INS 412), chất ổn định (INS 401).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách đóng gói:** Đóng gói kín. **Thể tích thực:** 180 ml/chai, 540 ml (3 chai x 180 ml)/hộp hoặc thể tích thực khác theo nhu cầu thị trường.



- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đựng trực tiếp trong chai thủy tinh, bên ngoài là hộp giấy.
Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: (trường hợp thuê cơ sở sản xuất)

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	100
2	Coliforms	CFU/g	10
3	E. coli	CFU/g	Không được có
4	Streptococci faecal	CFU/g	Không được có
5	Pseudomonas aeruginosa	CFU/g	Không được có
6	Staphylococcus aureus	CFU/g	Không được có
7	Clostridium perfringens	CFU/g	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/g	10
9	Chì (Pb)	mg/kg	0,05

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT, Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

- Thông tư số 17/2023/TT-BYT, Thông tư sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

- Thông tư số 30/2026/TT-BYT, Thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 28 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Vy Vy

NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: YẾN CHUNG ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO DP NEST (BIRD'S NEST CORDYCEPS DP NEST)

Thành phần: Nước, sợi yến tươi kingly (25%), đường phèn, đông trùng hạ thảo (3%), chất làm dày (INS 412), chất ổn định (INS 401).

Hướng dẫn sử dụng: Lắc đều trước khi sử dụng. Ngon hơn khi uống lạnh.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nhiệt độ thường nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

NSX & HSD: xem trên bao bì sản phẩm.

Thể tích thực: 180 ml

Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm và sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH

Địa chỉ: Thôn Phước Sơn, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0833 665 479

Xuất xứ: Việt Nam

THÔNG TIN DINH DƯỠNG		
Giá trị dinh dưỡng	Trên 100 g	
Năng lượng	41	kcal
Chất đạm	0,6	g
Carbohydrat	9,1	g
Chất béo	0,3	g
Đường tổng	6,9	g
Natri	12	mg

NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm: YẾN CHUNG ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO DP NEST (BIRD'S NEST CORDYCEPS DP NEST)

Thành phần: Nước, sợi yến tươi kingly (25%), đường phèn, đông trùng hạ thảo (3%), chất làm dày (INS 412), chất ổn định (INS 401).

Hướng dẫn sử dụng: Lắc đều trước khi sử dụng. Ngon hơn khi uống lạnh.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nhiệt độ thường nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

NSX & HSD: xem trên bao bì sản phẩm.

Thể tích thực: 540 ml (3 chai x 180 ml)

Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm và sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH

Địa chỉ: Thôn Phước Sơn, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0833 665 479

THÔNG TIN DINH DƯỠNG		
Giá trị dinh dưỡng	Trên 100 g	
Năng lượng	41	kcal
Chất đạm	0,6	g
Carbohydrat	9,1	g
Chất béo	0,3	g
Đường tổng	6,9	g
Natri	12	mg

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số /Report No.: 2608000025-02

Ngày/Date: 07/08/2026

Mã mẫu số/Sample ID : 2608000025-02

Tên khách hàng/Client's name : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG
MẠI GÓC XANH/GREEN CORNER PRODUCTION AND
TRADING COMPANY LIMITED

Địa chỉ /Address : Thôn Phước Sơn, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt
Nam/Phuoc Son Village, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa
Province, Vietnam

Thông tin mẫu/Sample information : YẾN CHUNG ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO
DP NEST (BIRD'S NEST CORDYCEPS DP NEST)

Thông tin niêm phong/Seal information : Không niêm phong/
No seal

Mô tả mẫu/Sample description : Mẫu chứa trong bao bì/Sample contained in the packaging

Ngày nhận mẫu/Sample receipt date : 01/08/2026

Ngày bắt đầu phân tích/Analysis start date : 01/08/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ANALYSIS RESULT(S)

STT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOD	LOQ	Phương pháp/ Analysis method
1	Năng lượng/ Calories	Kcal/100g	41	-	-	Tính toán từ carbohydrate, béo, đạm (#)
2	Carbohydrate/ Carbohydrate	g/100g	9.14	-	-	Regulation (EU) No 1169/2011 (#)
3	Đạm/ Protein	g/100g	0.58	-	0.15	WRT/TM/CC/01.19:2025 (#) (*)
4	Béo/ Fat	g/100g	< 0.3 (0.25)	0.1	0.3	WRT/TM/CC/01.18:2025 (Ref. FAO 14/7- 1986, trang 212 đến 219) (#) (*)
5	Độ ẩm/ Moisture	%	89.7	0.1	0.3	WRT/TM/CC/01.16:2025 (#) (*)
6	Tro/ Ash	%	< 0.3 (0.11)	0.1	0.3	WRT/TM/CC/01.17:2025 (#) (*)
7	Xơ dinh dưỡng/ Dietary Fibre	g/100g	< 0.3 (0.22)	0.1	0.3	AOAC 991.43 (#) (*)
8	Natri (Na)/ Sodium (Na)	mg/100g	12	0.6	2	WRT/TM/CC/01.05:2022 (Ref. TCVN 10916:2015 (AOAC 985.35)) (#) (*)
9	Đường tổng/ Total sugar	g/100g	6.93	0.1	0.3	WRT/TM/CC/01.27:2025 (#) (*)
10	Chì (Pb)/ Lead (Pb)	mg/kg	Không phát hiện/ Not detected	0.006	0.02	AOAC 2013.06 (#) (*)

LOP/13/F01 [15/01/2025]

Trang/Page 1/3



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Báo cáo số /Report No.: 2608000025-02

Ngày/Date: 07/08/2026

STT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOD	LOQ	Phương pháp/ Analysis method
11	Tổng vi sinh vật hiếu khí (30°C)/ Total Plate Count (30°C)	CFU/g	< 10	-	-	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022 (#) (*)
12	Coliform/ Coliforms	CFU/g	< 10	-	-	ISO 4832:2006 (#) (*)
13	Escherichia coli/ Escherichia coli	CFU/g	< 1	-	-	ISO 16649-2:2001 (#) (*)
14	Staphylococcus aureus/ Staphylococcus aureus	CFU/g	< 1	-	-	FDA/BAM Chapter 12:2016 (#)
15	Clostridium perfringens/ Clostridium perfringens	CFU/g	< 1	-	-	ISO 15213-2:2023 (#) (*)
16	Streptococci Faecal/ Streptococci Faecal	CFU/g	< 1	-	-	WRT/TM/MI/16.02:2024 (Ref. BS 4285-3.11:1985) (#) (*)
17	Pseudomonas aeruginosa/ Pseudomonas aeruginosa	CFU/g	< 1	-	-	WRT/TM/MI/11.02:2024 (Ref. ISO 16266:2006) (#)
18	Nấm men và nấm mốc/ Yeast and mould	CFU/g	< 10	-	-	ISO 21527-1:2008 (#) (*)

Tổng số chỉ tiêu/Total testing parameters: 18

[Báo cáo kết thúc/End of report]



VILAS 686



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số /Report No.: 2608000025-02

Ngày/Date: 07/08/2026

Ghi chú/Notes:

(#) Chỉ tiêu được thực hiện bởi phòng Thử nghiệm tại chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh./Parameter(s) are implemented by the Ho Chi Minh city branch-Testing center.

(*)Phương pháp được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia (BoA)./The method is accredited to ISO/IEC 17025:2017 by the National accreditation bureau (BoA).

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/Limit of detection.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation.

- Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp/Sample information is provided by the client.

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/The analysis result(s) is valid only for the tested sample.

- Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban giám đốc Công ty TNHH TENTAMUS VIỆT NAM/This Analysis Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of TENTAMUS VIETNAM LLC.

Trưởng phòng Kiểm nghiệm/
Head of Laboratory

TRẦN MINH THỨ

Đại diện Công ty TNHH TENTAMUS VIỆT NAM
On behalf of TENTAMUS VIETNAM LLC

LƯƠNG PHƯỚC VINH



Ngày/Date: 07/08/2026

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	41	kcal	2%
Chất đạm (Protein)	0.6	g	1%
Carbohydrate	9.1	g	3%
Đường tổng số (Total Sugars)	6.9	g	
Chất béo (Fat)	0.3	g	1%
Natri (Sodium)	12	mg	1%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g thực phẩm.			

Ghi chú/ Notes:

- Bảng thành phần dinh dưỡng được thiết lập từ (các) báo cáo kết quả thử nghiệm/ The nutrition facts table is established from the analysis report(s):
 - Số 2608000025-02 cấp ngày 07/08/2026/ Number 2608000025-02 dated August 07, 2026
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo và được thực hiện theo yêu cầu của Khách hàng, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only and follows up with the customer's request. The customer should update it and comply with regulation currently.
- Không được sao chép một phần báo cáo này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban giám đốc Công ty TNHH TENTAMUS VIỆT NAM/This Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of TENTAMUS VIETNAM LLC.

Trang/ Page 1/1